TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHỢ MỚI** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 88/2021/DS-ST
Ngày: 02/7/2021
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Anh Thư.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đặng Văn Tâm;

2. Ông Trần Thanh Sang;

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Tấn Kiệt, Thư ký Toà án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà Đoàn Thụy Thùy Trang – Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 7 năm 2021 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Chợ Mới xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 27/2021/TLST-DS ngày 02 tháng 02 năm 2021 về tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 261/2021/QĐXXST-DS, ngày 18 tháng 5 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1973; địa chỉ: ấp T, xã K, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang (Có mặt).

2. Bị đơn: Bà Bùi Thị P, sinh năm 1969; địa chỉ: ấp B, xã K, huyện C, tỉnh An Giang (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, tờ tự khai và các biên bản hòa giải nguyên đơn bà Nguyễn Thị H trình bày: Bà với bà P có mối quan hệ bà con, bà có cho bà P vay tiền nhiều lần, cụ thể:

+ Vào ngày 28/02/2015 âm lịch bà cho bà P vay số tiền 80.000.000 đồng, mục đích bà P vay để đáo nợ Ngân hàng. Thời hạn trả 03 ngày, trả lãi suất 500.000đ/80.000.000đ/03 ngày. Việc vay này không làm biên nhận, nhưng bà có ghi vào sổ của bà, bà P không ký xác nhận nợ với bà. Nhưng đến hạn bà P chỉ trả lãi 500.000 đồng, nhưng không trả vốn.

+ Vào ngày 15/9/2015 âm lịch, bà có cho bà P vay số tiền 80.000.000 đồng, mục đích bà P vay để đáo nợ Ngân hàng. Thời hạn trả 03 ngày, trả lãi suất 500.000đ/80.000.000đ/03 ngày. Việc vay này không làm biên nhận, nhưng bà có ghi vào sổ của bà, bà P không ký xác nhận nợ với bà. Nhưng đến hạn bà P chỉ trả lãi 500.000 đồng, nhưng không trả vốn;

+ Vào ngày 28/6/2015 âm lịch, bà có cho bà P vay số tiền 100.000.000 đồng, mục đích bà P vay trả nợ cho người khác. Việc vay không xác định thời hạn, chỉ nói khi nào bán đất trả, lãi suất thỏa thuận 4.000.000 đồng/100.000.000 đồng/01 tháng. Việc vay này không làm biên nhận, nhưng bà có ghi vào sổ của bà, bà P không ký xác nhận nợ với bà. Việc vay này bà P không trả vốn, nhưng có trả lãi. Tuy nhiên, bà không xác định được bà P đã trả lãi trên số tiền 100.000.000 đồng này là bao nhiêu. Nhưng bà có ghi số tiền lãi bà đã nhận trên tổng số tiền vốn 260.000.000 đồng vào sổ ghi nợ của bà.

Bà H xác định đã nhận lãi của bà P từ khi bắt đầu vay đến ngày 17/8/2018 âm lịch, tổng cộng là 26.000.000 đồng (lần 1: 4.000.000đ, lần 2: 14.000.000đ, lần 3: 4.000.000đ, lần 4: 1.000.000đ, lần 5: 2.000.000đ, lần 6: 500.000đ, lần 7: 500.000đ), nhưng không nhớ cụ thể ngày tháng đã nhận lãi. Như vậy, tổng cộng 03 lần cho vay, bà P nợ bà là 260.000.000 đồng. Do bà P hẹn nhiều lần nhưng không thực hiện trả nợ nên đến ngày 17/11/2017 âm lịch bà có kêu bà P đến nhà để xác nhận nợ. Tại nhà bà H, bà với bà P thỏa thuận, bà P nợ bà số tiền vốn 260.000.000 đồng, bà P cộng lãi chưa trả là 40.000.000 đồng, nên tổng cộng bà P nợ bà 300.000.000 đồng. Sau khi thỏa thuận xong việc bà P nợ bà số tiền 300.000.000 đồng, thì bà P đồng ý ký tên và ghi rõ họ tên vào "Tờ mượn nợ". Còn thời gian trong "Tờ mượn nợ" thể hiện ngày 17/11/2015 là để cho trùng khớp với thời gian bà P vay tiền của bà. Từ khi xác lập số tiền nợ 300.000.000 đồng, bà P ký xác nhận vào "Tờ mượn nợ" bà P cứ hẹn bán đất trả tiền nhưng không thực hiện. Nay bà yêu cầu bà P trả cho bà 300.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi theo quy định pháp luật trên số tiền 300.000.000 đồng từ ngày 17/8/2018 âm lịch cho đến khi xét xử sơ thẩm.

Tại phiên tòa, nguyên đơn bà H giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu bà P trả cho bà 300.000.000 đồng. Bà H rút yêu cầu tính lãi theo quy định pháp luật trên số tiền 300.000.000 đồng từ ngày 17/8/2018 âm lịch cho đến khi xét xử sơ thẩm.

Tại biên bản ghi lời khai và biên bản hòa giải, bị đơn bà Bùi Thị P trình bày: Bà và bà H có quan hệ vay mượn tiền. Cụ thể:

+ Vào ngày 28/02/2015 âm lịch, bà có vay tiền của bà H số tiền 80.000.000 đồng, lãi suất 10%/tháng, mục đích vay tiền để đáo nợ Ngân hàng, thỏa thuận thời hạn trả là 01 tháng. Khi vay không làm biên nhận nợ;

+ Ngày 15/9/2015 âm lịch, bà có vay tiếp của bà H số tiền 80.000.000 đồng, lãi suất 10%/tháng, mục đích vay tiền để đáo nợ Ngân hàng, thỏa thuận thời hạn trả là 01 tháng. Khi vay không làm biên nhận nợ;

+ Vào ngày 30/9/2015, bà tiếp tục vay của bà H số tiền 10.000.000 đồng, lãi suất 10%/tháng, mục đích vay tiền để đáo nợ Ngân hàng, thỏa thuận thời hạn trả là 01 tháng. Khi vay không làm biên nhận nợ, nhưng số tiền này bà H chỉ đưa cho bà 7.000.000 đồng. Còn 3.000.000 đồng bà H giữ lại xem như bà trả lãi trước.

Như vậy, bà vay của bà H tổng cộng 167.000.000 đồng. Sau đó, ngày 28/02/2015 âm lịch, bà đã trả cho bà H 20.000.000 đồng và bà có cho bà H mượn nhiều lần với số tiền 20.000.000 đồng (cụ thể: ngày 10/4/2016 âm lịch cho bà H mượn 5.000.000 đồng, ngày 20/12/2017 âm lịch cho bà H mượn 5.000.000 đồng và nhiều lần không nhớ ngày tháng năm với số tiền 10.000.000 đồng). Việc bà trả tiền cho bà H và bà H mượn tiền của bà không có làm biên nhận, nhưng bà có ghi vào sổ của bà, bà không có yêu cầu bà H ký xác nhận.

Ngoài ra, bà có tham gia góp hụi do bà H làm chủ dây hụi 2.000.000 đồng, khởi khui ngày 30/3/2016 âm lịch, có 31 hụi viên, mỗi tháng khui 01 lần, bà tham gia 01 phần, bà không biết đóng hụi cho bà H đến lần thứ mấy, nhưng bà nhớ còn 04 lần hụi nữa đã mãn, dây hụi này bà hốt được 50.000.000 đồng, nhưng bà H không giao tiền hụi cho bà mà trừ vào tiền lãi của số tiền vay nói trên. Đối với dây hụi 500.000 đồng, do bà H không giao giấy tờ hụi nên bà không biết khởi khui ngày nào, không biết có bao nhiêu hụi viên, nữa tháng khui 01 lần, bà tham gia 02 phần, bà chầu hụi sống cho bà H đến khi hụi mãn. Dây hụi này đã mãn, nhưng bà không biết thời gian nào hụi mãn. Bà chưa hốt lần nào, như vậy dây hụi này bà xác định đã chầu hụi cho bà H tổng cộng 25.000.000 đồng. Bà xác định 50.000.000 đồng bà hốt hụi nhưng bà H không giao đã trừ vào tiền lãi bà nợ bà H, còn số tiền 25.000.000 đồng bà chầu hụi cho bà H bà xác định đã trả vốn cho bà H.

Tổng số tiền bà vay bà H là 167.000.000 đồng. Số tiền này bà đã trả lãi cho bà H 50.000.000 đồng (thông qua việc bà H trừ hụi), đã trả vốn cho bà H nhiều lần tổng cộng 65.000.000 đồng (ngày 28/02/2015, bà đã trả cho bà H 20.000.000 đồng và bà có cho bà H mượn nhiều lần với số tiền 20.000.000 đồng, chầu hụi cho bà H tổng cộng 25.000.000 đồng). Hiện nay còn nợ số vốn của bà H là 102.000.000 đồng. Bà không có tài liệu, chứng cứ gì chứng minh cho việc bà trình bày.

Bà xác định chữ ký và họ tên Bùi Thị P dưới chữ ký trong "Tờ mượn nợ" ngày 17/11/2015 do bà H cung cấp cho Tòa án là do bà ký tên và ghi họ tên, còn toàn bộ nội dung trong "Tờ mượn nợ" không phải do bà viết. Khi bà ký tên vào "Tờ mượn

nợ" này bà không có đọc nội dung. Việc bà ký tên vào "Tờ mượn nợ" này bà không biết ngày nào, chỉ nhớ sau khi bà vay tiền 3 lần của bà H. Khi bà H yêu cầu bà ký tên vào "Tờ mượn nợ" bà H không nói số tiền trong đó là bao nhiêu, nên bà nghĩ chỉ có 167.000.000 đồng. Bà ký tên tại nhà bà H, lúc đó trời tối, chỉ có bà và bà H.

Nay, bà chỉ đồng ý trả cho bà H số vốn 102.000.000 đồng. Không đồng ý tính lãi suất tiếp theo. Đối với số tiền lãi bà đã trả cho bà H 50.000.000 đồng, bà không yêu cầu Tòa án điều chỉnh lãi suất theo quy định. Bà P hẹn 25/3/2021 sẽ nộp đơn phản tố để khấu trừ số tiền hụi 65.000.000 đồng vào số vốn bà P nợ bà H. Nếu đến thời gian này bà P không nộp đơn phản tố, bà yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng với quy định của pháp luật. Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Do quen biết nên bà Nguyễn Thị H có cho bà Bùi Thị P vay nhiều lần với tổng số tiền 260.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận theo từng khoản vay. Đến ngày 17/11/2017, tại bà H, hai bên thống nhất số nợ vốn 260.000.000 đồng, lãi suất 40.000.000 đồng nên xác lập số nợ 300.000.000 đồng. Nay, bà H yêu cầu bà P trả 300.000.000 đồng, tính lãi suất từ ngày 17/8/2018 đến ngày xét xử sơ thẩm. Tại phiên tòa, bà H rút lại yêu cầu tính lãi suất.

Phía bà P thừa nhận chữ ký trong biên nhận ngày 17/11/2015 nhưng không đọc nội dung. Thực tế chỉ nợ bà H 167.000.000 đồng trả đã 65.000.000 đồng, còn nợ 102.000.000 đồng, đã trả lãi 50.000.000 đồng, không yêu cầu điều chỉnh lãi suất. Không cung cấp chứng cứ chứng minh.

Xét thấy, căn cứ bà H khởi kiện là biên nhận ngày 17/11/2015 với nội dung: *"Bà Bùi Thị P có mượn của bà Nguyễn Thị H 300.000.000 đồng, không thỏa thuận lãi suất, thời hạn trả ngày 17/8/2018"*. Tại biên bản đối chất ngày 14/5/2021, bà H xác định đã cho bà P vay 03 lần với tổng số tiền 260.000.000 đồng. Tuy nhiên, đến ngày 17/11/2017, cả hai thống nhất số nợ 300.000.000 đồng và lập biên nhận, xác định thời hạn trả ngày 17/8/2018 nên việc bà H khởi kiện là phù hợp Điều 463, 466 Bộ luật Dân sự, phía bà P thừa nhận chữ ký trong biên nhận nợ nhưng cho rằng chỉ còn nợ 102.000.000 đồng và không đưa ra chứng cứ chứng minh nên không có cơ sở xem xét.

Về lãi suất, do bà H đã rút lại yêu cầu tính lãi suất nên cần đình chỉ theo Điều 217, 244 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Từ những phân tích nêu trên, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 463, 466 Bộ luật dân sự, Điều 217, 244 Bộ luật Tố tụng dân sự, đề nghị:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H.

- Buộc bà Bùi Thị P trả bà Nguyễn Thị H 300.000.000 đồng.

- Đình chỉ yêu cầu của bà Nguyễn Thị H đối với lãi suất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguyên đơn khởi kiện bị đơn bà Bùi Thị P. Bà P có nơi cư trú ấp B, xã K, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang nên Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Bị đơn bà Bùi Thị P đã được Tòa án triệu tập đến lần thứ 2 để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt. Căn cứ vào Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự trên là có căn cứ.

[3] Về quan hệ tranh chấp: Tại đơn khởi kiện và các biên bản làm việc tại Tòa án, nguyên đơn yêu cầu bà P trả số tiền vay 300.000.000 đồng. Do vậy, vụ án được xác định là tranh chấp giao dịch dân sự về Hợp đồng vay tài sản theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[4] Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện, xin rút yêu cầu tính lãi suất theo quy định pháp luật trên số tiền 300.000.000 đồng từ ngày 17/8/2018 âm lịch cho đến khi xét xử sơ thẩm. Xét thấy, đây là quyền tự định đoạt của đương sự và sự thay đổi này không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu. Căn cứ Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp.

[5] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, yêu cầu bà Bùi Thị P thực hiện nghĩa vụ trả số tiền vay 300.000.000 đồng. Bà H cung cấp chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện là *"Tờ mượn nợ ngày 17/11/2015"*, có chữ ký, chữ viết họ và tên Bùi Thị P. Quá trình giải quyết vụ án, bà P xác định có vay tiền của bà H, chữ ký và họ tên Bùi Thị P dưới chữ ký trong *"Tờ mượn nợ ngày 17/11/2015"* do bà H cung cấp cho Tòa án là do bà ký tên và ghi họ tên. Căn cứ khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 có đủ cơ sở xác định các bên đã xác lập hợp đồng vay tài sản trên cơ sở tự nguyện thỏa thuận, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội, việc bà P vay tiền của bà H là có thật, nên làm phát sinh quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự 2015. Tuy nhiên, bà P xác định tổng số tiền bà vay của bà H là 167.000.000 đồng, đã trả vốn cho bà H nhiều lần tổng cộng 65.000.000 đồng (ngày 28/02/2015, bà đã trả cho bà H 20.000.000 đồng, bà có cho bà H mượn nhiều lần với số tiền 20.000.000 đồng, chầu hụi cho bà H tổng cộng 25.000.000

đồng), hiện nay còn nợ bà H 102.000.000 đồng. Tòa án đã ấn định thời gian để bà P thực hiện việc phản tố đối với yêu cầu của bà H, nhưng bà P không thực hiện việc phản tố và cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của mình, trong khi bà P xác định có ký tên và ghi họ tên tại "*Tờ mượn nợ ngày 17/11/2015*" với nội dung số tiền bà P nợ bà H là 300.000.000 đồng. Do đó, không có cơ sở để Hội đồng xét xử xem xét yêu cầu của bà P chỉ đồng ý trả cho bà H số vốn 102.000.000 đồng, mà buộc bà P phải trả cho bà H số tiền vay 300.000.000 đồng là phù hợp với Điều 466 Bộ luật dân sự 2015.

[6] Về lãi suất: Do đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[7] Từ cơ sở phân tích trên, có cơ sở buộc bà P phải có nghĩa vụ trả cho bà H số tiền vay 300.000.000 đồng.

[9] Án phí dân sự sơ thẩm: Do bà P phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho bà H nên phải chịu án phí theo quy định của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 26, Điều 35, Điều 39, khoản 2 Điều 92, Điều 144, Điều 147, Điều 227, Điều 244 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

- Các Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự 2015;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H đối với bà Bùi Thị P.

Buộc bà Bùi Thị P phải có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị H số tiền vay 300.000.000 (ba trăm triệu) đồng.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị P đối với yêu cầu tính lãi suất theo quy định pháp luật trên số tiền 300.000.000 đồng từ ngày 17/8/2018 âm lịch cho đến khi xét xử sơ thẩm.

- Án phí dân sự sơ thẩm: 15.000.000 (mười lăm triệu) đồng, bà Bùi Thị P phải chịu.

Hoàn lại cho bà Nguyễn Thị H tiền tạm ứng án phí 7.500.000 (bảy triệu năm trăm nghìn) đồng mà bà đã nộp theo biên lai thu số 0006018, ngày 02/02/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Chợ Mới.

Đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND H. Chợ Mới;
- TAND tỉnh An Giang;
- Chi cục THADS H. Chợ Mới;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Anh Thư